

Thành Kính Tưởng Niệm

Đức Tăng-Thống GHPGVNTN Đại-lão Hòa
Thượng **THÍCH-TỊNH-KHIẾT**, viên-tịch
ngày 23 tháng giêng năm Quý-Sửu, 1973.

Dịch xong và in lần thứ nhất vào năm 1973,
PL 2517.

Tu chỉnh và in lần thứ hai tại Chùa Kim
Quang, Sacramento, California, Hoa Kỳ năm
2002, PL 2546.

Lời Tựa

Phân biệt – Vibhājya – là tác dụng của ý thức. Chúng sanh do tâm và tâm sở phân biệt hư vọng, chấp ngã, chấp pháp, nên mới có nghiệp như khổ quả, ba cõi luân hồi, đó gọi là hoặc phân biệt. Nếu đoạn trừ được hoặc phân biệt ấy thì gọi là huệ vô phân biệt. Muốn chứng Phật trí, cần phải có huệ vô phân biệt. Nhưng đạt được huệ vô phân biệt thì cần phải dùng trí phân biệt mà quyết trách thế nào là giả, thế nào là chơn, thế nào là nghiệp như, thế nào là khổ quả, thế nào là pháp ác cần đoạn, và thế nào là pháp thiện cần tu, cũng như cái gì cần thủ, cái gì cần xả... Vì vậy nên Phật tùy căn tánh phân biệt của chúng sanh mà nói các kinh phân biệt.

Sự hiện hữu của con người, của thế giới, chúng sanh mở đầu do vô minh dẫn khởi mười hai như duyên tạo thành vòng móc xích dây chuyền mãi mãi. Nếu rõ được chiều lưu chuyển của nó mà xoay ngược trở lại theo chiều hoàn diệt thì cắt đứt và chấm dứt được sanh tử khổ đau. Đó là mục đích chính mà Phật thuyết Phân Biệt Duyên Sanh.

Về phương diện tự lợi cũng như lợi tha của Bồ-Tát hạnh thì lấy bố thí làm đầu. Nhưng cần phải biết bố thí như thế nào cho đúng pháp, mới là chơn bố thí và được nhiều phước quả. Đó là ý nghĩa của Kinh Phân Biệt Bố Thí.

Trọng tâm của Phật pháp vẫn là nghĩa luân hồi, như

quả, biệt biệt thọ báo, như bóng theo hình, như vang ứng tiếng, mà điển hình là ông già Kỳ Thọ trong Kinh Bàn Cùng Lão Công.

Muốn thành tựu phước đức không gì hơn là tâm thanh tịnh và không khinh thường Phật pháp.

Cuộc đời có muôn mặt, lý thuyết có trăm chiều, biển Phật pháp bao la, lối vào có muôn vạn nẻo, tuy cũng dễ đi vào, nhưng cũng dễ bề hiểu lầm đi lạc, đánh mất chánh kiến, nên Phật dạy phải lấy Pháp ấn để làm kim chỉ nam.

Công đức cao cả tối thượng được tăng trưởng ở tâm hạnh đại hồi hướng. Như Phật đã dạy cho Bồ-Tát Minh Thiên. Nên người tu hành phải luôn luôn hồi hướng về trí tuệ và bình đẳng cho tất cả chúng sanh đồng được Chánh đẳng Chánh giác.

Tóm lại, những kinh mà dịch giả đã dịch từ đại tạng ra sau đây, tuy ngắn gọn, nhưng đầy đủ, rõ ràng và tiêu biểu cho nghĩa hơn quả, hơn duyên sanh, là nền tảng của đạo Phật. Hy vọng nó sẽ giúp ích rất nhiều và rất cần thiết cho sự tự giác và giác tha, nhất là giữa buổi cách Phật quá xa, vàng thau lẫn lộn, Phật ma hỗn đồng này. Chúng ta cần phải có trí phân biệt quyết đoán để giúp cho sự tu hành xa lìa tội lỗi và khỏi đi vào con đường tà kiến.

Tôi xin tùy hỷ công đức ghi lại vài giòng để làm lời tựa.

Huế, đầu xuân Quý-Sử
Giáo-thọ Thích-Thiện-Siêu

Phật Thuyết:

| | |
|-----------------------------|-----|
| - PHÂN BIỆT DUYÊN SANH KINH | 1 |
| - PHÂN BIỆT BỐ THÍ KINH | 11 |
| - PHÂN BIỆT KINH | 29 |
| - MẠN PHÁP KINH | 62 |
| - PHÁP ẤN KINH | 70 |
| - BÀN CÙNG LÃO CÔNG KINH | 78 |
| - THANH TỊNH TÂM KINH | 96 |
| - ĐẠI HỒI HƯƠNG KINH | 100 |

Dịch giả
THÍCH-THIỆN-TRÌ

Nghi-Thức Khai Kinh

Niêm Hương Lễ Bái

(Quý mật niệm)

Chơn Ngôn Tịnh Pháp Giới

Án Lam Toá Ha (3 lần)

Chơn Ngôn Tịnh Khẩu Nghiệp

Án Tu Rị, Tu Rị, Ma-Ha Tu Rị,
Tu Tu Rị, Ta Bà Ha (3 lần)

Chơn Ngôn Tịnh Thân Nghiệp

Án Tu Đa Rị, Tu Đa Rị,
Tu Ma Rị, Ta Bà Ha (3 lần)

Chơn Ngôn Tịnh Ba Nghiệp

Án Ta Phạ, Bà Phạ, Thuật Đà Ta Phạ
Đạt Ma Ta Phạ, Bà Phạ, Thuật Độ Hám (3 lần)

Chơn Ngôn Tịnh Ba Nghiệp

Nam-Mô Tam Mãn Đà Mẫu Đà Nẫm.
Án Độ Rô Độ Rô Địa Vị Ta Bà Ha. (3 lần)

Chơn Ngôn Phổ Cúng Đường

Án Nga Nga Năng, Tam Bà Phạ Phiệt Nhựt Ra
Hông. (3 lần)

Lời Nguyện

Nguyện đem lòng thành kính,
Gởi theo đám mây hương,
Phưởng phất khắp mười phương
Cúng dường ngôi Tam-Bảo.
Thề trọn đời giữ đạo,
Theo tự tánh làm lành,
Cùng pháp-giới chúng sanh,
Câu Phật từ gia hộ,
Tâm Bồ-Đề kiên cố,
Xa bẻ khổ nguồn mê,
Chóng quay về bờ giác.

Hương giới, hương định cùng hương huệ,
Hương giải thoát và hương giải thoát tri kiến,
Đài mây sáng soi cùng pháp-giới,
Cúng dường Tam-Bảo khắp Mười Phương.

Nam Mô Hương Cúng Dường Bồ-Tát. (3 lần)

TÁN PHẬT

Đấng Pháp-Vương vô thượng
Ba cõi chẳng ai bằng,
Thầy dạy khắp trời người,
Cha lành chung bốn loại,
Quy y tròn một niệm,
Dứt sạch nghiệp ba kỳ.
Xưng dương cùng tán thán
Ức kiếp không cùng tận

QUÁN TƯỚNG

Phật, chúng sanh tánh thường rỗng lặng,
Đạo cảm-thông không thể nghĩ bàn.
Lưới Đế Châu ví Đạo tràng
Mười phương Phật bảo hào-quang sáng ngời.
Trước bảo tọa thân con ảnh hiện,
Cúi đầu xin thệ nguyện quy y.

CHÚ ĐẠI BI

Nam Mô Đại Bi Hội Thượng Phật, Bồ-Tát.
(3 lần)

Thiên thủ, thiên nhãn, vô ngại Đại-Bi Tâm
Đà-La-Ni. Nam-mô hắc ra đất na đá ra dạ
da. Nam-mô a rị gia bà lô kiết đế, thước bát
ra da, bồ-đề tát đỏa bà da, ma ha tát đỏa
bà da, ma ha ca lô ni ca da. Ấn tát bàn ra
phạt duệ, số đất na đất tủa. Nam-mô tất kiết
lật đỏa, y mông a rị da, bà lô kiết đế, thất
Phật ra lăng đà bà. Nam-mô na ra cần trì
hê rị, ma ha bàn đa sa mế, tát bà a tha đậu
du bằng, a thệ dựng, tát bà tát đa, na ma

bà già, ma phạt đạt đậu, đát diệt tha. Án
 a bà lô hê, lô ca đế, ca ra đế, di hê rị, ma
 ha bờ-đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra,
 ma hê ma hê, rị đà dựng, cu lô cu lô kiết
 mông, độ lô độ lô, phạt xà da đế, ma ha phạt
 xà da đế, đà ra đà ra, địa rị ni, thất Phật ra
 da, dá ra dá ra, mạ mạ phạt ma ra, mục đế
 lệ, y hê y hê, thất na thất na, a ra sâm Phật
 ra xá lợi, phạt sa phạt sâm, Phật ra xá da,
 Hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị, ta ra
 ta ra, tát rị tát rị, tô rô tô rô, bờ-đề dạ bờ-
 đề dạ, bờ-đà dạ bờ-đà dạ, di đế rị dạ, na ra
 cần trì, địa rị sắc ni na, ba dạ ma na, ta bà
 ha. Tát đà dạ, ta bà ha. Ma ha tát đà dạ,
 ta bà ha. Tát đà du nghệ thất bàn ra dạ,
 ta bà ha. Na ra cần trì, ta bà ha. Ma ra
 na ra, ta bà ha. Tát ra tâng a mục khô da,
 ta bà ha. Ta bà ma ha a tát đà dạ, ta bà ha.
 Giả kiết ra a tát đà dạ, ta bà ha. Ba đà ma
 yết tát đà dạ, ta bà ha. Na ra cần trì bàn
 đà ra dạ, ta bà ha. Ma bà lị thắng yết ra
 dạ, ta bà ha. Nam-mô hắc ra đát na, đá ra
 dạ da. Nam-mô a rị da, bà lô yết đế, thước
 bàn ra dạ, ta bà ha. *Án tất điện đờ, mạn
 đà ra, bạt đà dạ, ta bà ha.* (3 lần)

Nam-Mô Bốn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật. (3 lần)

Kính lạy Đức Thế-Tôn,
Quy-y mười phương Phật,
Nay con phát đại nguyện,
Trì tụng Kinh Phân Biệt
Trên đên bốn ơn nặng,
Dưới cứu ba đường khổ,
Những người được thấy nghe,
Đồng phát tâm Bồ-đề,
Kết thúc báo thân này,
Sanh về cõi Cực-Lạc.

KHAI KINH KỆ

Phật-Pháp cao siêu rất nhiệm màu,
Trăm ngàn vạn kiếp khó tìm cầu,
Con nay nghe thấy, xin trì tụng,
Nguyện tỏ Như-Lai nghĩa nhiệm màu

PHẬT THUYẾT PHÂN BIỆT DUYÊN SANH KINH

(Bản chữ Hán Tam Tạng Pháp Thiên)

Như thật tôi nghe một
thuở nọ, sau ngày Phật thành
đạo, Ngài ngồi một mình dưới
gốc cây Bồ-đề, gần bờ ao Ô-
lô vĩ-loa, bên sông Ni-liên, tâm
tự nghĩ rằng: “Pháp khổ, thế
gian không ai có thể tránh
khỏi. Thế nhưng chẳng mấy
ai biết lo sợ. Đó là pháp quyết

định có thật. Nếu người nào quán sát đúng như vậy là điều phước lợi lớn. Pháp vui, thế gian cũng lại như vậy, không ai có thể tránh khỏi. Thế nhưng chẳng mấy ai biết nhằm chán. Đó là pháp quyết định có thật. Nếu người nào quán sát đúng như vậy là điều phước lợi lớn.

Phật còn nghĩ rằng: “Mọi giới ở thế gian như Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn v.v... đối với pháp này không thể biết rõ một cách hoàn toàn được. Nếu như có người nào hay suy nghĩ và cảnh giác về sự khổ vui, thấu

rõ được sự khổ vui như vậy chẳng phải là pháp cứu cánh, thường suy nghĩ và tu hành đúng theo pháp ấy, người đó sẽ được đầy đủ các pháp lành Giới, Định, Huệ, Giải thoát và Giải thoát tri kiến, v.v...

Tất cả chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai đều biết rõ được mỗi mỗi sự khổ vui của thế gian, và đã tu hành đúng theo pháp ấy. Nhờ sức tự tu hành mới thành bậc Chánh giác.

Tại sao thế? Vì pháp này là pháp chưa từng có, không ai có thể hiểu biết một cách thấu đáo hoàn toàn. Các đức

Như-lai Ứng-cúng Chánh-đẳng Chánh-giác đều biết pháp ấy một cách hoàn toàn và đã tu hành đúng như pháp ấy mới thành bậc Chánh-giác. Các đức Như-lai Ứng-cúng Chánh-đẳng Chánh-giác vị lai cũng sẽ biết rõ các pháp khổ vui của thế gian như vậy, và tu hành đúng như pháp ấy mới viên thành đạo quả.”

Lúc bấy giờ Đại-Phạm Thiên-Vương là vị Trời làm chủ cõi Ta-Bà, do oai lực của Phật, mới biết được điều mà Phật đã nghĩ đến. Trong khoảnh khắc, như người lực sĩ co duỗi cánh tay, liền rời

cõi Trời Phạm-Thiên và đi thẳng đến chỗ Phật. Đại-Phạm-Thiên đến nơi, lễ kính xong, đứng trước Phật thưa rằng: “Điều mà Phật vừa suy nghĩ đúng lắm, đúng lắm! Sự khổ vui ở thế gian không ai có thể tránh khỏi. Điều Phật nghĩ đó là điều nghĩa lợi lớn. Quá khứ, vị lai cũng lại như vậy. Trong các giới Trời, Người, Ma, Phạm, v.v... duy có Phật mới đủ trí lực có thể phân biệt và biết một cách rõ ràng các pháp duyên sanh, hoặc tăng, hoặc giảm, hoặc thiện, hoặc ác hoàn toàn đúng như sự thật.”

Phật dạy: “Đúng thế, đúng thế! Nay Phạm Thiên Vương, chúng sanh thế gian không trí tuệ nên không hiểu biết, không thể biết rõ được tất cả các pháp, bởi si ám che lấp - đó là Vô minh. Duyên Vô minh sanh ra Hành. Hành có ba: Thân, Miệng và Ý. Lại duyên nơi Hành sanh ra Thức. Thức có sáu: Nhãn thức, Nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Duyên Thức sanh ra Danh Sắc, Trừ Sắc, Danh có bốn: Thọ, Tưởng, Hành và Thức. Sắc là bốn đại và tất cả sắc pháp do bốn đại sanh. Hai thứ Danh uẩn và Sắc uẩn,

gọi tắt là Danh Sắc. Duyên Danh Sắc sanh ra sáu xứ. Sáu xứ thuộc nội thân có sáu: Nhãn xứ, Nhĩ xứ, Tỷ xứ, Thiệt xứ, Thân xứ, và Ý xứ. Duyên Sáu xứ sanh ra Xúc. Xúc có sáu: Nhãn xúc, Nhĩ xúc, Tỷ xúc, Thiệt xúc, Thân xúc và Ý xúc. Duyên Xúc sanh ra Thọ. Thọ có ba: Thọ vui, Thọ khổ và Thọ không khổ không vui. Duyên Thọ sanh ra Ái. Ái có ba: Dục ái, Sắc ái, Vô-sắc ái. Duyên Ái sanh ra Thủ. Thủ có bốn: Dục thủ, Kiến thủ, Giới-cấm thủ, Ngã-ngữ thủ. Duyên Thủ sanh ra Hữu. Hữu có ba: Dục hữu, Sắc hữu

và Vô-sắc hữu. Duyên Hữu mới có Sanh. Sanh là các chúng sanh tùy uẩn sanh khởi, có xú xú sai biệt. Các pháp: sanh, dị, diệt thường biến đổi. Từ Sanh làm căn bản nên mới có Uẩn, có Xú, có Giới và tất cả các pháp như mạng căn v.v... Duyên nơi Sanh mới có sự Già, sự Chết. Già là tâm thức hôn muội, tóc bạc da nhăn, khí lực suy kém, hơi thở khò khè, thân thể ốm yếu, cho chí các giác quan đều bại hoại. Chết là sự thay đổi cảnh giới và thú loại sai khác của chúng sanh. Như bỏ thế giới này để sanh về một thế giới

khác. Hay bỏ thân của thú loại này để sanh làm thú loại khác, trở về với tướng vô thường. Thời hạn của tuổi thọ được kết thúc, hơi ấm đã rời khỏi thân, mạng căn đã hoại diệt, các uẩn cũng xa lìa, bốn đại ly tán.

Những điều nói trên tức là phân biệt duyên sanh. Nếu các chúng sanh nào biết một cách rõ ràng đúng đắn, người ấy sẽ được đầy đủ năm phần pháp thân(1).

Lúc bấy giờ Phạm Thiên Vương nghe Phật nói pháp duyên sanh rồi thì lễ Phật mà lui trở về cõi Trời Phạm

Thiên.

Phần Chú Thích:

(1) Năm phần pháp thân: Pháp thân là một trong ba thân Phật: Pháp thân, Báo thân và Hóa thân. Do năm pháp công đức mà thành thân Phật, siêu hẳn thân năm uẩn của phàm phu, gọi là năm phần Pháp thân:

1. Giới pháp thân – siêu Sắc ấm. Ba nghiệp thân khẩu ý của Như Lai xa lìa tất cả tội lỗi.

2. Định pháp thân – siêu Thọ ấm. Như Lai chọn tâm tịch diệt, lìa tất cả vọng niệm.

3. Huệ pháp thân – siêu Tưởng ấm. Như Lai chọn trí viên minh, thông suốt pháp tánh (căn bản trí).

4. Giải thoát pháp thân – siêu Hành ấm. Như Lai thân tâm giải thoát mọi sự ràng buộc (tức Giải thoát đức của Niết bàn).

5. Giải thoát tri kiến pháp thân – siêu Thức ấm. Như Lai tự chứng biết đã thực giải thoát (tức hậu đắc trí). Ba phần trước là nhưn, hai phần sau là quả.

PHẬT THUYẾT PHÂN BIỆT BỒ THÍ KINH

(Bản chữ Hán của Thi Hộ)

Như thật tôi nghe một
thuở nọ, Phật cùng các vị Đại
Tỳ kheo vân tập tại vườn Ni-
Câu-Đà thành Ca-Tỳ-La-Vệ, là
quê hương giòng họ Thích. Bấy
giờ có một Tỳ-kheo-ni tên là
Ma-Ha-Ba-Xà-Ba-Đề (1) đem một
cái y nữ (2) đến chỗ Phật,
đến nơi đánh lễ dưới chân

Ngài và lui lại đứng một bên bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, cái y nữ mới này là tự tay con làm thành, xin dâng lên Thế Tôn. Mong Thế Tôn nhận cho để con được ân triêm phước lạc.”

Phật bảo Ma-Ha Ba-Xà-Ba-Đề: “Bà nên đem cái y nữ mới đó cúng cho cả Đại chúng chư Tăng thì sẽ được phước lợi không khác gì như cúng dường Phật.”

Tỳ Kheo Ni Ma-Ha Ba-Xà-Ba-Đề thưa lại với Phật rằng: “Bản ý của con, là chỉ để dâng cúng đức Thế Tôn mà phát tâm tạo cái y này. Mong

Thế Tôn từ bi doãn nạp, để cho con được ân triêm phước lạc.”

Tỳ Kheo Ni Ma-Ha Ba-Xà-Ba-Đề ân cần thưa Phật ba lần như thế. Phật cũng ba lần đáp lại: “Chỉ nên bình đẳng cúng cho Đại chúng thì được lợi ích tốt đẹp, cũng như cúng cho Phật không khác gì cả.”

Khi ấy Tôn giả A-Nan đứng hầu bên Phật chứng kiến sự kiện như thế, mới đến trước bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn. Tỳ Kheo Ni Ma-Ha Ba-Xà Ba-Đề này là người thân của Phật, là người có ân đức rất lớn đối với Phật.

Điều đó Phật đã rõ. Nay đây bà đã có lòng đem dâng cái y này cho Phật, là điều hợp tình, hợp cảnh và đúng lúc. Xin Phật giữ lòng từ bi, hoan hỉ chấp nhận, để cho Bà được ân triêm phước đức.

Phật bảo A-Nan: “Đúng vậy, đúng vậy! Bà là người thân của ta, có ân đức lớn đối với ta, ta tự biết điều đó. Nay bà đã tự tay tạo lấy pháp-y đem đến cúng cho ta, thật là việc rất khó làm. Tại sao thế?”

A-Nan này! Ông nên biết rằng: Duy cái việc khởi lòng tin thanh tịnh, qui y Phật

Pháp Tăng, đã là việc rất khó thực hiện. Càng khó thực hiện hơn nữa là cái việc có thể giữ gìn những giới pháp của một Phật tử cận sự như: không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu v.v... Huống chi, đã biết cung kính Phật, lại còn biết bố thí, đã bố thí, lại biết tin tưởng Phật một cách thanh tịnh, không hề nghi ngờ, cũng như đối với Chánh pháp và Tăng già, cho chí nghĩa lý của bốn thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Này A-Nan, vậy mà nay Tỳ Kheo Ni Ma-Ha Ba-Xà Ba-

Đề này đã có thể phát khởi lòng tin thanh tịnh, qui y Phật, Pháp, Tăng, thọ trì những giới pháp của một vị Phật tử cặn sự như không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, v.v... lại còn tin tưởng Phật Pháp Tăng, cho chí nghĩa lý của bốn thánh đế: khổ, tập, diệt, đạo và đã nhất tâm xuất gia làm Tỳ Kheo Ni. Tất cả những việc khó làm ấy mà bà đã làm được, ta cũng đều chứng biết.

Này A-Nan, nói đến công đức về bố thí thì đại khái có mười bốn thứ:

1. Bồ thí cho người bệnh.
2. Bồ thí cho người phá giới.
3. Bồ thí cho người giữ giới.
4. Bồ thí cúng dường cho người xa lìa ô nhiễm.
5. Bồ thí cúng dường bậc Tu-Đà-Hoàn hướng.
6. Bồ thí cúng dường bậc Tu-Đà-Hoàn quả.
7. Bồ thí cúng dường bậc Tư-Đà-Hàm hướng.
8. Bồ thí cúng dường bậc Tư-Đà-Hàm quả.
9. Bồ thí cúng dường bậc A-Na-Hàm hướng.
10. Bồ thí cúng dường bậc

A-Na-Hàm quả.

11. Bồ thí cúng dường bậc
A-La-Hán hướng.

12. Bồ thí cúng dường bậc
A-La-Hán quả.

13. Bồ thí cúng dường các
bậc Duyên Giác.

14. Bồ thí cúng dường các
đức Như-Lai Ứng-Cúng
Chánh-Đẳng Chánh-Giác.

A-Nan, ông nên biết rằng:

Bồ thí cho người bệnh khổ
đặng phước gấp đôi người
thường. Bồ thí cho người phá
giới đặng phước gấp trăm lần.
Bồ thí cho người giữ giới đặng
phước gấp ngàn lần. Bồ thí
cho người xa lìa sự nhiễm ô

đặng phước gấp trăm ngàn lần. Bồ thí cho vị Tu-Đà-Hoàn hướng đặng phước vô lượng, huống chi là vị Tu-Đà-Hoàn quả. Bồ thí cho vị Tu-Đà-Hàm hướng đặng phước vô lượng huống chi là vị Tu-Đà-Hàm quả. Bồ thí cho vị A-Na-Hàm hướng đặng phước vô lượng, huống chi là vị A-Na-Hàm quả. Bồ thí cho vị A-La-Hán hướng đặng phước vô lượng huống chi là vị A-La-Hán quả. Bồ thí cho các bậc Duyên Giác đặng phước vô lượng, huống chi là các đức Như-Lai Ứng-Cúng Chánh-Đẳng Chánh-Giác. Như vậy gọi là so

sánh mười bốn thứ công đức
bố thí.

Hơn nữa, A-Nan nên biết
rằng: Bố thí cho đại chúng
có bảy hạng:

1. Bố thí cho đại chúng
Tỳ Kheo của Phật hiện
tiền.
2. Bố thí cho đại chúng
Tỳ Kheo sau khi Phật
nhập diệt.
3. Bố thí cho đại chúng
Tỳ Kheo Ni sau khi
Phật nhập diệt.
4. Bố thí cho cả hai chúng
Tỳ Kheo và Tỳ Kheo
Ni sau khi Phật nhập
diệt.

5. Bồ thí cho các chúng Tỳ Kheo đi chu du hóa đạo khắp các phương sau khi Phật nhập diệt.
6. Bồ thí cho các chúng Tỳ Kheo Ni đi chu du hóa đạo khắp các phương sau khi Phật nhập diệt.
7. Bồ thí cho cả hai chúng Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni đi chu du hóa đạo khắp các phương sau khi Phật nhập diệt.

Như vậy gọi là bảy hạng đại chúng mà các người cần phải bố thí.

Hơn thế nữa, A-Nan nên

biết rằng: Có bốn cách bố thí thanh tịnh:

1. Năng thí thanh tịnh, tức không có kẻ thọ.
2. Sở thí thanh tịnh, tức không có kẻ thọ.
3. Năng thọ thanh tịnh, tức không có kẻ thí.
4. Sở thọ thanh tịnh, tức không có kẻ thí.

A-Nan, sao gọi là năng thí thanh tịnh, tức không có kẻ thọ? - Nghĩa là do kẻ thí không chấp tướng. Tức thân nghiệp thanh tịnh, khẩu nghiệp thanh tịnh, ý nghiệp thanh tịnh, chánh mạng thanh tịnh, sự thấy biết thanh tịnh. Đây

đủ như vậy tức không có tướng thí. Vì không có tướng thí cho nên không có kẻ thọ. Nếu kẻ thí có thấy tướng tức là ba nghiệp thân, khẩu, ý không thanh tịnh, sự thấy biết cũng không thanh tịnh. Nếu lià được cái thấy tướng ấy, tức là kẻ thí và kẻ thọ cả hai đều thanh tịnh.

Lại nữa, sao gọi là sở thí thanh tịnh tức không có kẻ thọ?

Nếu kẻ thọ thân nghiệp không thanh tịnh, khẩu nghiệp không thanh tịnh, ý nghiệp không thanh tịnh, mạng không thanh tịnh, sự thấy biết không

thanh tịnh, tức có tướng sở
thí. Nếu kẻ thọ ba nghiệp
thanh tịnh, sự thấy biết thanh
tịnh, đầy đủ như vậy, tức
không có tướng sở thí. Là
tướng, là sở thí thanh tịnh.

Lại nữa, sao gọi là năng
thọ thanh tịnh tức không có
kẻ thí?

Nếu kẻ thọ ba nghiệp
thân, khẩu, ý không thanh
tịnh, mạng không thanh tịnh,
sự thấy biết không thanh tịnh
tức có tướng năng thọ, nếu
là tướng năng thọ ấy, tức là
không có kẻ thí.

Lại nữa, sao gọi là sở thọ
thanh tịnh tức không có kẻ

thí?

Nghĩa là do kẻ thí ba
nghiên thanh tịnh, mạng thanh
tịnh, sự thấy biết thanh tịnh
tức không có sở thí, là sở
thí, nên không có sở thọ. Vì
vậy sở thọ thanh tịnh.

Lúc bấy giờ Tỳ Kheo Ni
Ma-Ha Ba-Xà-Ba-Đề nghe Phật
tuyên thuyết đủ mọi phương
pháp bố thí như thế. Bà liền
đem cái y đó bố thí cho cả
đại chúng. Khi đó cả chúng
Tỳ Kheo liền vì bà mà vui
lòng nhận lấy.

Phật bảo A-Nan, đời sau
nếu có thiện nam tử, thiện
nữ nơn nào có tín tâm, đối

với đại chúng khởi lòng thanh tịnh, mà làm việc bố thí thì sẽ được phước đức vô lượng. Huống chi là hôm nay, bố thí cho đại chúng hiện tiền.

Bấy giờ Tôn giả A-Nan và Tỳ Kheo Ni Ma-Ha Ba-Xà-Ba-Đề nghe Phật nói xong vui lòng hớn hở, tin tưởng vâng theo lời Phật dạy mà thực hành.

Phần Chú Thích:

(1) Ma-ha Ba-Xà Ba-Đề dịch âm từ chữ phạn (Mahāprajāpati). Nghĩa là Đại-Ái-Đạo, Di mẫu của Phật. Sau bảy ngày sanh Thái-tử Tất-Đạt-Đa, thì Hoàng Hậu Ma-Da qua đời. Ma-Ha Ba-Xà Ba-Đề nuôi dưỡng Thái-tử cho đến khi khôn lớn. Nên nói bà là người thân và có ân đức lớn với Phật. Sau nhờ Ngài A-Nan xin Phật cho bà được xuất gia làm Tỳ-kheo-ni. Về Ni giới, bà là người xuất gia đầu tiên, thường gọi là Kiêu-Đàm-Di (GOTAMI)

(2) Có chỗ nói là “Kim-lũ ca-sa”, tức y ca-sa bằng kim tuyến.



PHẬT THUYẾT PHÂN BIỆT KINH

(Bản chữ Hán của Tam Tạng Pháp Sư
Trúc Pháp Hộ, Đại Tạng quyển 14 Kinh Tập bộ 1)

Như thật tôi nghe một
thuở nọ, Phật ở vườn cây của
Trưởng giả Cấp Cô Độc và
Thái Tử Kỳ Đà tại nước Xá-
Vệ(*). Trong một buổi sớm
mai, ánh bình minh trải vàng
trên muôn ngàn hoa lá, Đức
Phật với lớp y vàng đoan
nghiêm tinh tọa. Ngài bảo A-
Nan:

Này ông A-Nan: Ông hãy nói với các Tỳ Kheo yên lặng lắng nghe. Ta sẽ nói cho các ông biết về sự thọ khổ của cõi nhơn sanh.

A-Nan liền rời chỗ ngồi đứng dậy sửa chiếc y rồi lay Phật mà thưa rằng:

Bạch Thế Tôn, chúng con rất mong được nghe Thế Tôn dạy cho điều đó.

Phật dạy: Người đời có sáu điều ác tỵ lửa gạt và tỵ gây tổn hại: Mắt bị hình sắc lửa gạt, tai bị âm thanh lửa gạt, mũi bị mùi thơm lửa gạt, miệng bị chất vị lửa gạt, thân bị vật mát mịn lửa gạt, ý bị

tư tưởng tà vạy lừa gạt. Đó là sáu thứ thường xuyên làm cho người đời phải sa vào các đường ác, chịu khổ triền miên, khó mong giải thoát. Những người có trí mới nhận thức được.

Lại nữa, có ba điều người đời ưa làm nên họ phải chịu quả báo trong ba đường khổ:

Một là thân ưa sát hại, trộm cắp và dâm dục.

Hai là miệng ưa nói lời xuyên tạc, chửi mắng độc ác, dối trá lừa gạt và nói thêu dệt.

Ba là ý ưa nghĩ chuyện tham lam, giận hờn, si mê.

Vì ba điều ưa đó mà đọa vào ba đường khổ: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Chỉ người có trí mới nhận thức được.

Lại nữa, có sáu điều người đời thường mê đắm, nên bị sa vào mười tám cảnh khổ: Mắt mê đắm theo hình sắc, tai mê đắm theo âm thanh, mũi mê đắm theo mùi thơm, thân mê đắm theo những thức gây cảm xúc mát mịn êm dịu, ý mê đắm theo những tư tưởng cuồng loạn sai lầm. Đó là những điều thường xuyên gây tổn hại. Thế mà họ vẫn thường xuyên chấp nhận, cho nên bị rơi vào mười tám cảnh

Địa ngục, chịu sự thống khổ
mãi mãi, không lúc nào mong
thoát khỏi!

A-Nan thưa Phật: Nếu như
những người nào có thờ Phật
thọ giới thì có thể thoát được
cảnh khổ ấy chăng?

Phật đáp: Nếu như những
người có thờ Phật và thọ giới
thì được phước đức vô lượng,
không thể nào hình dung được.
Nhưng ngược lại cũng có những
người thờ Phật mà sa vào chỗ
cực cùng tội lỗi.

A-Nan bạch Phật: Thờ Phật
và thọ giới sẽ được phước đức
vô lượng. Vậy thì tại sao có
kẻ mắc phải tội lỗi nặng? Con

mong được Phật dạy cho điều đó.

Phật đáp: A-Nan! Người mà thờ Phật, phụng trì kinh giới, tinh tấn tu niệm, không hề trái phạm thì được phước đức vô lượng, không thể tỷ dụ được. Nhưng cũng có người thờ Phật, thọ giới mà không giữ gìn thanh tịnh, không lo tinh tấn tư duy thiền định, mà chỉ mượn danh thờ Phật, rồi chuyên làm những sự tà vạy tham cầu không nhàm, không có tâm niệm biết đủ, không có ý nghĩ chế ngự, dâm dật sắc dục, ưa thích ca múa, tham đắm rượu thịt, buông

lung phóng dăng, thì làm sao tránh khỏi tội lỗi khó lường của họ? Vì lẽ đó, họ đọa mãi ba đường, chịu nhiều thống khổ, khó được giải thoát!

Phật dạy: có ba hạng người thờ Phật:

Một là đệ tử của Ma thờ Phật.

Hai là hàng Nhơn Thiên thờ Phật.

Ba là đệ tử của Phật thờ Phật.

Sao gọi là đệ tử của Ma thờ Phật?

Phật đáp: Tuy rằng thọ giới theo Phật, nhưng tâm niệm của họ ưa làm những

việc tà vạy: Bói xâm, giải trừ, cúng tế cầu đảo, đồng bóng mê hoặc, tin có Quỷ Thần gần gũi trong nhà, không tin theo những điều chơn chánh, không biết quả báo tội phước. Chỉ mượn danh nghĩa thờ Phật mà thường theo những kẻ tà ác, chết đọa địa ngục không kịp trở tay, phải chịu khổ lâu lắm mới có ngày thoát ra, mà lại làm bà con với bọn ma, siểm nịnh yêu quái, thật rất khó cứu độ! Hạng người này do dư phước đời trước, nên tạm thời được gặp Chánh đạo mà tâm ý vẫn mù mờ, không hiểu được túc phước. Rồi lại phải

đi theo nẻo tà kiến mà bị sa đọa không biết bao giờ cùng! Ấy là đệ tử của Ma thờ Phật.

Sao gọi là hàng Nhơn Thiên thờ Phật?

Người thọ trì đủ năm giới cấm, tu mười pháp lành (1), dầu đến chết cũng không dám hủy phạm, biết tin tội phước, làm phải gặp phải, sau khi mạng chung liền sanh lên cõi trời. Ấy gọi là hàng Nhơn Thiên thờ Phật.

Sao gọi là đệ tử của Phật thờ Phật?

Là những người biết phụng trì chánh giới, học rộng kinh

luật, trau dồi trí tuệ, biết rõ ba cõi là trường thống khổ, tâm không ưa đắm, muốn cầu giải thoát, tu hành theo những pháp môn như: Tứ-đẳng (2), Lục-độ (3). Thương xót chúng sanh, muốn tế độ khắp tất cả, không tham tiếc thân mạng, biết chết đời này sanh lại đời khác, cầu làm việc phước mãi mãi, không bao giờ làm theo những điều mê tín. Ấy là đệ tử của Phật thờ Phật.

Phật dạy: Sau khi Ta nhập Niết bàn độ một ngàn năm sẽ có ma giáo nổi lên, thời thế yêu ác, quốc gia không được toàn quyền tự chủ, nhân

dân không được an cư lạc nghiệp, tai nạn chiến tranh sát hại tàn bạo, ngoại xâm nội loạn dòn dập, quốc gia không có phép tắc kỷ cương, xã hội đảo lộn. Lúc đó là thời tượng pháp.

A-Nan thưa Phật: Sao gọi là tượng pháp?

Phật đáp: Trong thời đó có nhiều Tỳ kheo không phụng trì đúng theo Chánh pháp. Trái lại họ còn sống với vợ con, không tâm hổ thẹn, chỉ lo nghề nghiệp sanh sống, không có học thức, không lo tu thiền, ưa thích ăn mặc theo kiểu thế tục, trên dưới lộn

xộn, giả dối lẫn nhau, bác bỏ những điều căn bản chính yếu trong sự nghiệp giáo hóa độ đời, đả theo sắc dục, không sợ tội lỗi. Khi có người hiểu biết Chánh pháp vì muốn dùng lời trung thực chỉ bày giáo pháp chơn chánh thì họ lại sanh tâm xấu ác, oán ghét, muốn tìm mọi cách chỉ trích phá hoại, phỉ báng, cho rằng người ấy là kẻ thiếu sự hiểu biết. Vì vậy cho nên Chánh pháp giảm dần.

A-Nan thưa Phật: Khi đó có người nào phụng trì Chánh pháp hay chăng?

Phật đáp: Vẫn có nhiều

người thờ Phật, và nhiều người xuất gia, nhưng không mấy ai giữ đúng giới luật, không sống với tinh thần lục hòa. Những người tinh thông nghĩa lý thì lại rất ít. Phần nhiều là những người kém hiểu biết!

A-Nan thưa rằng: Vậy thì ngay trong khi đó, nước nào ác nhất, đến nỗi ít thấy được những người tin tưởng tu hành đúng theo lời Phật?

Phật đáp: Ở cõi Chơn Đơn sẽ có hàng ngàn Tỳ kheo ngay trong Tăng đoàn mà làm bạn với ma. Trong số ấy chỉ có một vài vị là người thông minh hiểu biết và chính là

đệ tử của Phật. Đến nỗi ít có người được sanh lên cõi Trời Lục Dục. Những kẻ sa vào cõi ma thì lại rất nhiều!

Phật dạy: Sau khi ta nhập Niết bàn, cũng có nhiều kẻ học ở bên ngoài đến cầu đạo ta. Nếu người nào muốn tiếp độ họ thì cần phải dè dặt. Sau ba tháng, nếu biết ý chí của họ có thể tu tập theo hạnh thanh tịnh, thân tâm rỗng lặng, ít lòng ham muốn, không làm những điều gì sai quấy, ô nhiễm, thì mới có thể chính thức chấp nhận. Trước hết là truyền cho họ giới thập thiện. Sau ba năm, nếu xét

thấy họ tu tập được đúng với chánh đạo, không phạm những tội ác nào, nhiên hậu mới được tiếp tục cho thọ hai trăm năm mươi giới pháp. Nếu biết tinh tấn tu tập, giữ gìn những điều oai nghi giới luật, hoàn toàn đến mục đích giải thoát, nhất định người ấy sau sẽ gặp Phật Di-Lặc và được độ thoát.

A-Nan thưa Phật: Như lời Phật dạy, con xin hoàn toàn vâng thọ và nói lại cho người sau biết rõ. Để sự nghiệp hoằng pháp của Phật sau này khỏi bị sai lầm tuyệt diệt.

Phật dạy: Này A-Nan! Việc ông vâng thọ, trước sau như

một, quán thống tất cả. Ông đã hết lòng tin tưởng và lo hộ trì Phật pháp. Ta cũng đã chứng minh cho ông điều đó.

A-Nan thưa Phật: Sau này những người tin tưởng, muốn tu hành đúng theo chánh pháp, hết lòng mong cầu xa lìa thế tục, xuất gia học đạo, nếu không được bậc minh sư trao truyền giới pháp, mà có người viết chép giới, luật trao cho thì họ có thể được độ và làm Phật sự được hay không?

Phật dạy: A-Nan, hoàn toàn phải là người biết giới cấm và biết đạo lý mới có thể trao truyền giới pháp. Nhưng không

thể trao truyền qua văn tự mà cho là đúng pháp được. Tại sao như vậy? Bởi vì Phật là bậc Đại trí cả trên trời dưới trời, là bậc Đại minh cả trên trời dưới trời, không nên vọng truyền làm mất tôn chỉ, mà cần phải hiểu rõ giới pháp, luật cấm, lão luyện mọi sự, mới có thể truyền giới cho người sau. Nếu không thông hiểu những việc cốt yếu trong kinh pháp và oai nghi giới cấm, mà truyền giới pháp cho người ta là trái lời Phật dạy, thiếu sự thành kính và mất lòng tin đối với mọi người. Chẳng những đã không ích lợi

gì cho cả người truyền lẫn người thọ, mà lại còn mắc phải tội lỗi không nhỏ. Vậy nên các ông cần phải suy xét cho rõ.

A-Nan thưa Phật: Đời sau, như có những người chí tâm chí ý, vì chán nổi thống khổ của cảnh thế gian, muốn cầu được độ thoát, nếu gặp đời không có Phật thì phải làm sao để tế độ họ?

Phật dạy: A-Nan, hãy dẫn họ đến chỗ vị minh sư am hiểu giới pháp, chỉ vẽ cho họ tập theo những việc cốt yếu về các oai nghi giới cấm. Nếu như xét thấy người có thể độ

thì sẽ độ cho họ. Bằng như tự mình không hiểu rõ giới pháp mà truyền cho người, thì cả hai đều mê lầm, sai đạo, lộn xộn vô cùng, còn nương vào đâu mà được độ thoát!

Phật dạy: Sau này có những Tỳ kheo, bản thân không được thanh tịnh, nuôi dưỡng vợ con, thân thì hành động phi pháp, phá giới, ô nhiễm, mà ý lại tham cầu được sự cúng dường, không tin tội phước mà mong an lạc, thì khó nổi thoát khỏi quả báo tội ác! Những hạng người như thế thật đáng thương xót!

A-Nan thưa Phật: Sau này

những người đã có nhơn duyên xuất gia tu học, như vậy là đều đã được nhờ oai thần của Phật, thì lẽ ra cũng đều được giải thoát, tại sao có kẻ không tin lời minh giáo của Phật, mà lại trái phạm giới luật, để rồi phải chịu không biết bao nhiêu thống khổ trong vô số kiếp?

Phật dạy: Do bởi đời trước, khi bị đọa trong cảnh thống khổ, vì quá đau đớn, người ấy đã nhất thời ăn năn tự trách, nên được chút phước sanh làm thân người ở thời mạt pháp, lại được gặp kinh Phật và có thể cạo bỏ râu

tóc mà làm vị Tỳ kheo. Nhưng ý thức cũ chưa dứt trừ được, tâm do dự, mù mờ không rõ, lại không gặp được bậc minh sư trí đức, nên thường có những hành động ô trược, phần đông không thể hoàn toàn ly tục. Như vậy mai sau còn phải đọa vào các cảnh khổ cực, lần lượt thọ tội trái vô số kiếp!

Phật dạy: Này các Tỳ kheo. Các ông nay đã là người xuất gia, bỏ cả lối sống gia đình vợ con, bỏ những sự nghiệp kinh doanh ở đời để làm bậc Sa môn, thì các ông cần phải siêng năng tu tập,

giữ gìn giới hạnh, như pháp của các bậc A-La-Hán. Thà rằng các ông lấy nước đồng sôi tự uống vô, làm cháy tiêu ruột gan, chứ không nên làm người vô đạo đức mà nhận của tín thí sẽ phải chịu tội thống khổ nhiều kiếp. Lâu lắm mới được hy vọng giải thoát. Do chút phước mỏng, được làm thân người, rồi phải trở lại tuần tự đền trả. Có kẻ phải làm con cái để đền trả. Có kẻ phải làm cha mẹ để đền trả v.v...

A-Nan thưa Phật: Sao gọi là đền trả?

Phật đáp: Có người làm

thân tôi tớ bị chủ nhà đánh đập, mắng chửi tàn tệ, đối xử vô đạo, thế mà tôi tớ vẫn đành cam chịu, không hề oán hận, lại còn siêng năng làm mọi công việc không biết mỏi mệt, giữ gìn của cải cho người chủ nhà không để hư mất. Chính là đời nay làm thân tôi tớ để đền trả nghiệp đời trước đã nhận của tín thí mà không lo tạo những việc công đức. Thì ra sau khi kẻ ấy chịu đủ tội khổ xong rồi, còn trở lại làm người để mà đền trả. Trong số đó cũng có người biết được phần nào nghiệp báo đời trước, nên đành cam chịu!

Sao gọi là làm con cái để
đền trả?

Nghĩa là sự việc con cái
không dám than phiền dù làm
được bao nhiêu của tiền đều
bị cha mẹ tiêu dùng không
biết hạn lượng. Ấy là làm con
cái để đền trả nghiệp báo đời
trước.

Sao gọi là làm cha mẹ để
đền trả?

Nghĩa là sự việc cha mẹ
vẫn cam tâm đành chịu dù
làm ra bao nhiêu của tiền đều
bị con cái xài phá hoang phí,
làm hư gia bại sản.

Sở dĩ ai cũng chịu đựng
như vậy, là vì họ cảm nhận

được phần nào nhân duyên nghiệp báo đời trước mà đành cam chịu, không trách ai cả. Thế nhưng những kẻ phải trả nợ cho nhau ấy, nhân duyên đưa đẩy gặp nhau trong một thời gian, sau khi trả xong lại phải chia ly, chứ không thể nào sống chung nhau mãi. Người trí biết rõ lẽ đó cho nên không gây nghiệp duyên để phải đền trả.

Chỉ có đạo đức mới được tồn tại. Như ta thuở quá khứ cũng từng phải làm cha mẹ, con cái, tội tớ nhiều đời không thể tính kể. Tất cả đều do nhơn duyên một thời phải

chịu, mà không làm sao chạy khỏi. Và cha mẹ của ta có được hiện thời là do nhơn duyên đạo đức nhiều đời, chứ không do nhơn duyên nghiệp báo. Nhiều đời cha mẹ ta đã để cho ta tự do học đạo. Chính nhờ công ơn đó ta đã tinh tấn tu hành trải qua nhiều kiếp nay mới được thành Phật. Vậy nên người muốn học đạo không thể không tinh tấn lo sao cho tròn chữ hiếu. Chớ để một khi bị đọa mất thân người, muôn kiếp khó bề trở lại!

Sau này, gặp thời mạt pháp, các người cần nên tu

hành hiếu thuận. Được gặp kinh pháp, không thể không lo siêng năng tu tập. Gặp Phật ra đời, không thể không lo hết lòng quý kính. Gặp bậc minh sư, không thể không lo hết lòng phụng thờ, chuyên cần học hỏi, thân cận thọ lãnh những lời giáo huấn.

Tại sao như thế? Vì nguyên được làm thân người đã là việc rất khó. Sáu giác quan cũng khó được đầy đủ. Khó được thông minh tài trí. Khó được gặp Phật, khó được nghe chánh pháp. Cho nên các ông cần phải hết lòng siêng năng tu tập. Sau khi ta nhập niết

bàn, sẽ có thời kỳ thế gian xảy ra tai ách, ngũ nghịch. Khi đó ở cõi Chơn đơn có nhiều ma quái thanh hành, chánh đạo bế tắc: Tuy kinh pháp của Phật vẫn lưu truyền, nhưng ít ai học hỏi thấu đáo. Và đâu có ai học hỏi thì cũng ít có người thực hành. Giữa đời tuy cũng có hình bóng các vị Tỳ kheo, nhưng ít ai tự giữ gìn giới hạnh thanh tịnh. Phần nhiều là những kẻ phá giới, nhiệm trước, tập theo thói tục, chỉ có tham vọng đây đó cho thỏa chí du nhân, không khác gì người đời. Ưa mặc đồ tốt đẹp, ưa học theo những

sách vở nghị luận của thế gian, tập các thứ âm nhạc ca xướng, ưa kết tụ bè đảng ưa cầu danh vọng như người thế tục. Họ nhận người vào đạo, độ làm đệ tử nhưng không biết dạy cách giữ gìn giới hạnh ngăn ngừa ma nghiệp, không theo chánh đạo mà giáo hóa độ đời, cũng không có học thức, không chịu tìm bậc minh sư trí đức, không biết giữ gìn cẩn thận các giác quan, mà vẫn tự xưng ta là đại đức. Họ si mê không biết rằng tuy nay được làm thân người cũng chỉ tạm thời mà thôi, nhưng cứ tưởng là lâu dài. Và mặc

dù đời là tạm thời và tương đối nhưng tội lỗi đã gây ra thì sau phải chịu khổ sở vô cùng, điên đảo lăng lộn ở trong chúng ma. Thật là thống khổ biết đến dường nào!

Này các Tỳ kheo! Các ông nay đã được làm thân người, được đầy đủ sáu giác quan, lại được gặp Phật, gặp kinh luật, giới pháp thì các ông cần phải siêng năng tu tập. Nếu không, một khi đánh mất căn bản nhân cách, muôn kiếp khó bề hồi phục. Phật ra đời cũng rất khó được gặp, kinh pháp Phật dạy cũng khó được nghe. Nên các ông phải biết tự suy

ngĩ.

Phật nói kinh này xong thì các vị Tỳ kheo đều ngồi im lặng tư duy quán tưởng và liền được chứng quả A-La-Hán.

Dịch tại Phật-Học-Viện Quảng Hương Già Lam Gia Định.

Phật-Đản 2515- 1971

Phân Chú Thích:

(1) Mười pháp lành:

1. Không sát sanh.
2. Không trộm cắp.
3. Không tà hạnh.
4. Không nói dối.
5. Không nói thêu dệt.
6. Không nói xuyên tạc.
7. Không nói độc ác.
8. Không tham lam.
9. Không sân hận.
10. Không si mê tà kiến.

Ngược lại mười điều trên gọi là mười điều ác.

(2) Tứ đẳng: Cũng gọi là Tứ Vô lượng tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả, là bốn đức tánh bao la và bình đẳng của chư Phật đối với tất cả chúng sanh. Theo kinh Lăng già quyển ba nói thì tứ đẳng là: Tự đẳng, Ngữ đẳng, Pháp đẳng và Thân đẳng. Tự đẳng, như Phật tự xưng ta là Phật, thì chữ Phật ấy cũng là tiếng tôn xưng cho tất cả chư Phật. Tự tánh của chữ Phật không có gì sai khác, nên gọi tự đẳng. Ngữ đẳng là những âm thanh ngôn ngữ thuyết pháp của tất cả các đức Phật đều như nhau. Thân đẳng là ba thân: Pháp thân, Báo thân và Ứng hóa thân, tướng hảo trang nghiêm mà đức Phật nào cũng có đầy đủ như nhau. Pháp đẳng là ba mươi bảy pháp giác ngộ giải thoát và thuyết pháp độ sanh mà đức Phật nào cũng có như nhau. Theo hai thuyết trên ta thấy như có sự sai khác, nhưng kỳ thật thì tùy theo nhơn quả mà nói. Vì nhơn Từ Bi Hỷ Xả bình đẳng vô lượng mà đạt đến quả Tự Ngữ Pháp Thân cũng bình đẳng vô lượng.

(3) Lục độ: Là sáu pháp môn chính yếu của Bồ Tát hạnh tự độ và độ tha, là sáu món diệu dược chữa trị sáu căn bệnh trầm trọng làm cho chúng sanh đắm trong sanh tử. Bồ Tát dùng sáu pháp này để đưa chúng sanh qua biển sanh tử, lên bờ giải thoát, nên gọi là độ:

1. Bố thí độ, tiếng Phạn gọi là Đàn-ba-la-mật (Dānapāramita), là hạnh bố thí rất ráo, để độ tâm xan tham bòn xén của mình; và để cứu giúp cho kẻ khác đang bị cảnh nghèo cùng thiếu thốn do nhơn bòn xén đời trước gây ra.

2. Trì giới độ, tiếng Phạn gọi là Thi-la-ba-la-mật (SiLapàramita) đối trị sự hủy phạm giới cấm.
3. Nhẫn nhục độ, tiếng Phạn gọi là Sằn-đề-ba-la-mật (Ksátipàramita) đối trị sân hận.
4. Tinh tấn độ tiếng Phạn gọi là Tỳ-lê-da-ba-la-mật (Viryapàramita) đối trị trê nãi.
5. Thiền định độ, tiếng Phạn gọi là Thiên-na-ba-la-mật (Dhyànapàramita) đối trị tán loạn.
6. Trí tuệ độ, tiếng Phạn gọi là Bát-nhã-ba-la-mật (Prajnāpàramita) đối trị si mê.

PHẬT THUYẾT MẠN PHÁP KINH

(Bản chữ Hán của Sa-môn Pháp-Cự
Đại Tạng quyển 34, Kinh Tập bộ 4 số 739)

Phật bảo A-Nan rằng: Ở đời có người thờ Phật, từ đó về sau được giàu sang. Có người thờ Phật, từ đó về sau gặp nhiều sự suy tổn bất lợi.

A-Nan thưa Phật: Tại sao cũng đồng thờ Phật mà có người được giàu sang, lợi ích, còn người lại suy tổn bất lợi.

Do đâu có sự bất đồng như thế?

Phật đáp: Có người thờ Phật, tìm bậc minh sư hiểu rõ giới pháp, chơn chánh tu hành, để cầu trao truyền giới pháp, vì muốn dứt trừ tâm tưởng xấu ác, theo đúng với kinh pháp, tinh tấn tu hành không trái lời thầy chỉ dạy, giữ gìn giới cấm, dù cho một mảy may như tơ tóc cũng không bao giờ hủy phạm. Người ấy thường được chư Thiên, Thiện Thần ủng hộ, làm điều gì cũng được toại ý, tài lợi mỗi ngày được phát đạt gấp bội, được mọi người cung kính,

chắc chắn sẽ được thành Phật, huông nữa là việc giàu sang lợi lạc. Hạng người như vậy thờ Phật gọi là Phật tử chơn chánh.

Lại có người thờ Phật, nhưng không gặp được bậc minh sư, cũng không có kinh tượng, hơn nữa, thiếu hiểu biết, thiếu tâm lễ kính, lại bắt chước truyền thọ giới pháp một cách gượng gạo, không có lòng chí tín. Kẻ kia sau khi thọ giới lại không biết gìn giữ tu trì, còn cố ý phạm những điều giới cấm đã thọ, tâm ý mê muội, do dự không đọc tụng kinh luận, tinh tấn tu

tập và làm những việc phước thiện, tâm niệm thay đổi, thoát tin rồi thoát không tin. Hơn nữa, họ cũng không nghĩ đến những ngày ăn chay, hương đèn lễ bái, lại còn cố ý giận hờn, kêu la mắng chửi. Ngoài miệng nói khác, trong lòng nghĩ khác. Ôm lòng ganh ghét, sử người giết hại sanh mạng. Thấy kinh tượng không tâm lễ kính. Nếu có kinh sách thì họ gác trên tường vách, hoặc vất bừa bãi trên giường trên chiếu, hoặc để trong tủ rương lộn xộn với quần áo cũ rách nhơ nhớp, hoặc đưa cho trẻ nít tay chân nhớp nhúa cầm

nắm, hoặc gác bỏ những nơi
khói bụi lem lọ, hay nơi nhà
dột ướt hư, không hề trông
coi đến. Họ cũng không đốt
hương đèn hướng về nơi có
kinh pháp mà lễ bái, khinh
thường như kinh sách của
ngoại đạo. Vì vậy nên các vị
Thiện Thần xa lìa. Ác quỷ
được cơ hội thuận tiện, theo
đuổi mãi không thôi. Nhơn đó
nên thường xảy ra bệnh hoạn
suy tổn. Khi đã mắc phải tật
bệnh, đâm ra lo sợ, rồi tự
nghĩ rằng lâu nay mình đã
thờ Phật mà không được Phật
gia hộ, lại còn mắc phải tật
bệnh, tai họa. Họ không đủ

sức tụt tén, nên bị khủng hoảng. Đã vậy còn cầu đảo các loại tà thần, kêu vang, chạy chữa bói khoa, trấn yểm giải trừ đủ cách, làm toàn những việc vô ích. Do đó lại tăng thêm những điều tội lỗi. Yêu mị ác quỷ chen đến đầy nhà, làm cho người ấy suy tổn tiêu hao mà cũng phải chết thảm thiết. Và lắm lúc quan tài chưa đưa ra khỏi cửa thì trong nhà tài sản đã tan hoang, người nhà đều bệnh tật, truyền nhiễm lẫn nhau nằm liệt cả. Khi mạng chung họ mang theo đầy tội lỗi, đọa xuống địa ngục bị khảo trị

đánh đập, thôi thì đủ các hình phạt, chịu khổ cực trái vô lượng năm. Tất cả chỉ vì họ không chuyên nhất theo chí hướng tu hành của mình, ý chí do dự, không tin cứ vững, không tin đúng theo Phật pháp, làm nhiều điều sai quấy, nên phải chịu vậy.

Ở thế gian, những người không hiểu Phật pháp thấy thế vội cho rằng vì thờ Phật mà gây ra những điều tai ương, suy tổn như vậy, chớ không biết rằng do người ấy tu hành chẳng chánh. Trái phạm kinh giới Phật dạy, tâm họ chỉ chuyên theo những điều xấu

ác dưới đủ mọi hình thái.

Những hậu quả trên, đều do từ hành động của họ đưa đến phải chịu, chứ không do ai đem trao cho cả.

A-Nan nghe xong lay Phật sát đất và hoan hỷ tuân hành.

PHẬT THUYẾT PHÁP ÁN KINH

(Đại Tạng Tích Sa quyển 514,
dịch theo bản chữ Hán của Thần Thi Hộ)

Như thật tôi nghe một
thuở nọ Phật cùng các vị Tỳ
kheo vân tập tại nước Xá-Vệ.
Bấy giờ Phật bảo các vị Tỳ
Kheo rằng: “Các ông nên biết,
có Thánh Pháp Án, ta sẽ phân
biệt giảng nói cho các ông rõ.
Các ông cần phải phát khởi
sự hiểu biết thanh tịnh, lắng

nghe và ghi nhận cho kỹ, suy nghĩ đúng đắn”.

Các vị Tỳ Kheo liền bạch Phật rằng:

Hay thay! Bạch Thế Tôn, chúng con rất mong được nghe, xin Thế Tôn tuyên thuyết.

Phật dạy: “Này các Tỳ Kheo! Nói đến Tánh không, là không có gì cả, không vọng tưởng, không sanh, không diệt xa lìa mọi sự thấy biết. Tại sao thế? — Vì tánh Không, không có nơi chốn, không có sắc tướng, không có tư tưởng, vốn không sanh, chẳng phải sự thấy biết có thể thấu được. Xa lìa mọi đắm chấp, nên

thâu nhiếp được tất cả pháp, trú ở sự thấy biết bình đẳng, là sự thấy biết chơn thật. Các ông nên biết, tánh Không như vậy, các pháp cũng như vậy. Đó gọi là Pháp Ấn.

Lại nữa, các Tỳ Kheo, Pháp Ấn này là cửa ngõ của ba pháp giải thoát, là căn bản của chư Phật, là con mắt của chư Phật, là nơi chư Phật đạt đến. Vậy nên các ông nghe cho kỹ, ghi nhận cho đúng, như sự thật mà suy nghĩ quán sát.

Lại nữa, các Tỳ Kheo! Nếu có người nào tu hành, nên đi vào chốn núi rừng, hoặc ở

dưới gốc cây và các nơi vắng vẻ yên tĩnh, đúng như sự thật quán sát: Sắc là khổ, là không, là vô thường, nên sanh tâm nhàm chán xa lìa. Như vậy quán sát về Thọ, Tưởng, Hành, Thức là khổ, là không, là vô thường nên sanh tâm nhàm chán xa lìa. Trú ở sự thấy biết bình đẳng.

Các Tỳ Kheo! Các uẩn vốn không, chỉ do tâm phát sanh. Khi tâm diệt thì các uẩn không còn có tác động gì nữa. Biết đúng như vậy, tức là chánh giải thoát. Khi được chánh giải thoát, xa lìa mọi sự thấy biết, thì gọi là cửa

Giải-thoát-không.

Lại nữa, trú trong chánh định quán sát các sắc cảnh, tất cả đều tiêu diệt, xa lìa mọi ý tưởng. Như vậy, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng đều tiêu diệt, xa lìa mọi ý tưởng. Quán sát như vậy gọi là cửa Giải-thoát-vô-tướng. Vào được cửa Giải-thoát này, tức được sự thấy biết thanh tịnh. Do sự thấy biết thanh tịnh đó, dứt trừ được tất cả tham sân si. Tham sân si đã dứt trừ, trú ở sự thấy biết bình đẳng, trú ở sự thấy biết bình đẳng này rồi, tức xa lìa được cái thấy ta và vật sở hữu của

ta, thấu rõ được mọi sự thấy biết không nơi sanh khởi, cũng không nơi nương tựa.

Lại nữa, khi xa lìa được cái thấy ta rồi, tức không còn thấy, không còn nghe, không còn hay, không còn biết. Tại sao thế? — Vì do nhơn duyên cho nên mới sanh các thức, tức nhơn duyên kia cùng với thức được phát sanh đều là vô thường. Vì là vô thường nên thức không thể thật có được. Thức uẩn đã không, không có tạo tác, thì gọi là cửa Giải-thoát-vô-tác. Vào được cửa Giải-thoát này, tức biết được pháp cứu cánh, không

còn đấm chấp các pháp, và
chúng được pháp tịch diệt.

Phật bảo: Các Tỳ Kheo,
như vậy gọi là Thánh-pháp-ấn,
là cửa ngõ ba pháp giải thoát.
Nếu người nào tu học theo
đó tức đặng sự thấy biết
thanh tịnh.

Các vị Tỳ Kheo nghe pháp
này rồi đều vui vẻ lạy Phật
và tin tưởng tuân hành.

**PHẬT THUYẾT
BẢN CÙNG
LÃO CÔNG KINH**

(Bản chữ Hán của Sa-môn Thích Huệ Giản)

Như thật tôi nghe một
thuở nọ Phật cùng 1.250 vị
Tỷ-Kheo vân tập ở vườn cây
của Trưởng Giả Cấp-Cô-Độc và
Thái Tử Kỳ-Đà (*) tại nước
Xá Vệ. Bấy giờ có 10.000 vị
Bồ tát và Trời, Rồng, Quỷ,
Thần, vô số Thánh Chúng đều
cung kính tụ hội vòng quanh

Phật nghe Phật thuyết Pháp, tất cả đều vui vẻ. Trong khi đó, có một ông già bần cùng mà thọ đến hai trăm tuổi, lông mày dài đẹp, hai lỗ tai rộng lớn, răng trắng và đều đặn, hai tay dài quá gối, xem qua dung mạo tựa như người có phúc tướng nhưng chịu phải cảnh nghèo khổ, áo quần không đủ để che thân, rách nát lổ lỗ, lại thường bị đói khát, kéo lê từng bước, vừa đi vừa thở một cách mỏi mệt. Đã trải qua mười năm, ông nghe có Phật tại thế, trong lòng rất vui mừng, ngày đêm luôn luôn phát nguyện được gặp Phật.

Ông chổng gậy lần hồi tìm đến, cầu mong được yết kiến Ngài. Chẳng may vừa đến ngõ Tịnh xá ông lại gặp phải các vị Phạm Thiên, Đế Thích chặn lại không cho vào. Uất ức, ông già mới kêu than rằng: “Tôi sanh ra đời bất hạnh! Chịu cảnh nghèo khổ khốn cùng, đói khát lạnh lẽo. Cầu chết mà không chết được, sống thì không biết nhờ cậy ai! Tôi nghe Thế Tôn là một bậc nhân từ, thương yêu che chở khắp tất cả. Muôn loài đều được đượm nhuần ân đức của Ngài. Bởi thế, lòng tôi rất đổi vui mừng. Đã mười năm qua, ngày

đêm phát nguyện, cầu mong được gặp Phật. Nay được mới biết quả thật có Phật. Vì vậy không sờn lòng, kéo lê chiếc thân già yếu từ xa xôi đến, tôi xin một điều duy nhất là được yết kiến Phật để cầu Ngài ban ân từ, cứu cho tôi thoát khỏi cảnh thống khổ, nhưng quý vị lại ngăn cấm không cho tôi vào. Thế là quý vị đã làm trái với bản nguyện của tôi, lại phản với bản ý của Phật. Đâu nên làm như vậy!”

Ở trong đã biết việc gì đang xảy ra giữa ông già và Phạm Thiên, Đế Thích ở ngoài

ngõ Tịnh xá, Phật mới quay sang hỏi A-Nan:

“Ông đã thấy ông già nào có phước tướng, kỳ lão trường thọ mà bị nhiều tội lỗi hay không?”

A-Nan quỳ thẳng, vòng tay bạch Phật:

“Làm sao có người kỳ lão trường thọ, có phước tướng, lại có nhiều tội lỗi? Người có nhiều tội lỗi làm sao lại có phước tướng ? Đòi con chưa từng thấy người như thế. Người ấy hiện giờ ở đâu?”

Phật đáp: Ta thấy có một ông già như thế hiện ở ngoài ngõ, bị Phạm Thiên, Đế Thích

ngăn chặn không cho vào. Ông hãy ra bảo ông ấy vào.

Bấy giờ ông già lòm còm đi vào. Vừa trông thấy Phật, ông rung rung hai hàng nước mắt, vừa mừng vừa khóc, cúi đầu sụp lạy Đức Phật, rồi quỳ thẳng, vòng tay, sụt sùi kính bạch:

“Con sanh ra đời bất hạnh, chịu cảnh bản cùng khốn khổ, đói khát, lạnh lẽo. Cầu chết mà không được, sống thì không biết nhờ cậy ai. Con nghe Thế-Tôn là một bậc nhân từ yêu thương che chở khắp tất cả. Muôn vật đều được đùm bọc nhàn ân đức của Thế-Tôn.

Tâm con vui sướng, đêm ngày phát nguyện, mong được một phen chiêm ngưỡng Tôn nhan từ mười năm qua. Nay mới được kết quả như nguyện. Nhưng vừa rồi con đến ở ngoài ngõ hồi lâu, không vào được, muốn đi trở lui, nhưng khí lực đã yếu không kham nổi, tấn thối lưỡng nan, không biết tính đường nào. Con chỉ sợ rằng bỏ mạng nơi đó, làm ô uế cửa Phật, càng thêm tội lỗi. May thay được đấng Thiên-Tôn thương xót tiếp dẫn, nên con mới được vào đây. Được may mắn như thế này, dù bây giờ có chết con cũng không

còn ân hận gì nữa! Con chỉ mong muốn mau dứt trừ hết tội lỗi, đời sau không còn phải chịu cảnh thống khổ. Nguyên Phật giũ lòng từ, ban cho con Phật huệ !”

Phật dạy: “Phàm làm người thọ sanh ra cõi đời, sanh tử đều do nhơn duyên. Do nhiều nhơn duyên tạo ra gốc rễ tội lỗi. Ta sẽ nói cho ông rõ nguồn gốc của tội lỗi mà ngày nay ông đã gánh chịu: Đời trước ông sanh vào nhà Minh-Huệ-Vương, là một ông vua cai trị một đại cường quốc. Khi đó ông là Thái Tử Kiêu-Quý. Trên được Phụ-Vương

và Mẫu-Hậu quý trọng, dưới được thần dân kính phụng. Vì thế nên ông hết sức kiêu căng, tự cao, tự đại, tâm ý buông lung, khinh ngạo mọi người, xem thường tất cả. Giàu có cự phú, tài sản muôn ức, đều là chiếm đoạt của dân. Trăm họ nghèo cùng bởi vì thuế khóa thu hết. Ông chỉ biết tom góp, chứ không biết bố thí. Bấy giờ có một vị Sa môn tên là Tịnh-Chí từ xứ xa đi đến. Vì thiếu một cái Pháp Y, nên tìm đến ông, mong ông bố thí một cái mà thôi, chứ không mong cầu gì nhiều. Nhưng ông tuyệt nhiên không

cho, lại còn đối xử một cách quá tệ ác. Đã không cho pháp y, lại cũng không cho ăn. Ông bắt vị Sa-môn vô tội, ngồi mãi trước nhà, muốn đi ông vẫn không cho. Qua bảy ngày đêm không thí một hớp nước. Thân thể đã ngất xỉu, hơi thở thoi thóp, tánh mạng sắp nguy kịch. Coi đó như một trò vui, cho tập trung nhiều người đến xem, ông lấy làm vui thích lắm! Lúc ấy có một vị cận thần khuyên can ông rằng: “Thái tử chớ nên làm như vậy. Đây là một vị Sa-môn hiền từ, khiêm tốn, bên trong mang cả tinh thần đạo đức. Sự lạnh

lẽo bên ngoài đối với con người ấy không có gì đáng gọi là lạnh lẽo, và sự đói khát cũng không có gì đáng gọi là đói khát. Sở dĩ đến xin là muốn gây phước đức cho kẻ khác thế thôi. Thái tử đã không bố thí cho thì thôi đừng nên gây cùn bức cho người ta. Tốt hơn là thái tử trả tự do cho vị Sa-môn này đi. Đừng nên gây thêm điều tội lỗi!”

Thái-tử đáp rằng: “Đây là người gì mà giả xưng là đạo đức. Ta cho chịu khổn khổ thử chơi, chứ ai để cho chết làm gì? Khanh đừng lo. Thôi

khanh thả cho ông đi”. Đoạn thả vị Sa-môn ra khỏi thành. Vị Sa-môn đi cách thành khoảng mười dặm, lại gặp phải bọn giặc cướp bị đói lâu ngày muốn bắt vị Sa-môn giết ăn thịt. Vị Sa-môn nói rằng: “Tôi là Sa-môn nghèo khổ lạnh lẽo, thân thể ốm yếu, chỉ còn da bọc xương, thịt lại hôi tanh, ăn chẳng được nào. Các ông có giết cũng chỉ thêm khổ công chó không dùng được!”

Bọn giặc đói đáp rằng: “Bọn tui đã bị đói lâu ngày, chỉ ăn cây đất. Ông tuy ốm nhưng vẫn là thịt. Không thể nào thả ông đi được. Chỉ có

cách là ông phải hy sinh”. Hai bên nói tới nói lui, phân vân hồi lâu. Tình cờ có Thái-tử đi đến, thấy sự kiện như thế, tự nhủ thầm rằng: Ta đã không cho cơm áo vị Sa-môn ấy thì thôi chớ đâu lại nỡ để cho bọn giặc đói giết hại! Ta phải cứu người.

Bọn giặc đói thấy Thái-tử can thiệp, nên cả bọn đều sụp lạy xin tạ tội và thả vị Sa-môn đi.

Vị Sa-môn lúc đó nay là Bồ tát Di-Lặc đây, Thái-tử Kiêu-Quý lúc đó, nay là ông đây. Sở dĩ nay ông chịu phải tội bần cùng khốn khổ là do

đời trước tham lam bỏn xẻn. Lý do nay ông được trường thọ là bởi cứu mạng sống vị Sa-môn. Tội phước báo ứng như bóng theo hình, như vang ứng tiếng!

Ông già bạch Phật: “Việc quá khứ đã rõ ràng như vậy. Con xin nguyện được giữ sạch từ đây, và nguyện đem mạng sống thừa này được làm Sa-môn, về sau đời đời thường được hầu bên Phật”.

Phật dạy: Hay thay! Hay thay!

Liên khi đó, râu tóc ông già rụng hết, pháp y tự nhiên được đắp lên thân. Thân thể,

trí lực trở nên mạnh mẽ tráng
 kiện, tai mắt thông sáng, ông
 liền được trí tuệ, cao thượng,
 nhập pháp môn chánh định.

Bấy giờ Thế-Tôn nói bài
 kệ . rằng:

*Người xưa là Thái-tử
 Kiêu-Quý tự buông lung
 Không biết điều nhân nghĩa.
 Ý con đại quốc vương
 Tự bảo không tội phước,
 Tưởng được thế mãi mãi
 Không hiểu lẽ sanh tử,
 Ngày nay chịu họa này.
 Tạo tội lại may phước
 Nên được gặp Như-Lai
 Thoát khỏi những tội xưa,*

*Nương thân giáo pháp môn,
Xa lià tâm xan tham
Thường được căn trí tuệ.
Đời đời hầu bên Phật
Sống lâu muôn vạn kiếp.*

Ông già đó đã trở thành một vị Tỳ-kheo, nghe kinh và hoan hỷ lay Phật:

Bấy giờ Thế-Tôn bảo A-Nan:

“Nếu có người nào chuyên tụng kinh này, thì người ấy sẽ thấy được ngàn đức Phật ở Hiền kiếp. Người nào thực hành theo kinh này và phổ biến rộng rãi, lưu truyền cho hậu thế, thì người ấy sau sanh

ra cõi đời sẽ gặp Phật Di-
Lặc và được Phật Thọ ký.
Nhu-Lai lưỡng rọng dài không
bao giờ nói sai!

Tất cả đại chúng nghe
Phật nói xong đều lay Phật,
vui vẻ tuân hành.

PHẬT THUYẾT THANH TỊNH TÂM KINH

(Bản chữ Hán của Ngài Thi-Hộ)

Như thật tôi nghe một
thuở nọ, Phật cùng các Tỳ-
kheo vân tập tại vườn cây của
Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc và Thái-
tử Kỳ-Đà (*) ở nước Xá-Vệ.
Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo
rằng:

“Các ông lắng nghe, nếu
các hàng Thanh-văn tu tập
chánh hạnh muốn được tâm

thanh tịnh thì nên dứt trừ năm pháp và tu tập bảy pháp được đầy đủ. Năm pháp ấy là: Tham dục, giận hờn, hôn trầm, trạo hối và nghi ngờ. Năm thứ này hay ngăn che, làm chướng ngại, nên phải dứt trừ.

Và bảy pháp nên tu tập ấy là:

- Trạch pháp giác chi.
- Niệm giác chi.
- Tinh tấn giác chi.
- Hỷ giác chi.
- Khinh an giác chi.
- Định giác chi.
- Xả giác chi.

Bảy pháp đó các ông phải

tu tập.

Này Các Tỳ-kheo, nói đến tâm thanh tịnh tức là từ ngũ khác của tâm giải thoát, huệ giải thoát. Do sự nhiễm ô bởi tham, tâm không được thanh tịnh. Do sự nhiễm ô bởi vô minh (si), huệ không được thanh tịnh. Nếu các Tỳ-kheo đoạn trừ được vô minh, tức được huệ giải thoát.

Lại nữa, các Tỳ-kheo, là sự nhiễm ô bởi tham, được tâm giải thoát gọi là tâm tác chúng; đoạn trừ vô minh, được huệ giải thoát gọi là vô học, vĩnh viễn xa lìa tham ái, biết rõ được chánh trí chơn thật,

hiện tiền được chứng quả, dứt hết cảnh khổ.

Này các Tỳ-kheo, những điều nói trên các ông nên tu học.

PHẬT THUYẾT ĐẠI HỒI HƯỚNG KINH

(Bản chữ Hán thất dịch danh,
Đại Tạng quyển 33 Kinh Tập bộ tứ,
số 825, trang 827)

Như thật tôi nghe một
thuở nọ Phật cùng tám ngàn
vị Tỳ-kheo vân tập ở vườn cây
của Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc và
Thái-tử Kỳ-Đà(*) tại nước Xá-
Vệ. Lúc bấy giờ lớp lớp trước
sau vây quần quanh Thế-Tôn,
nghe Thế-Tôn thuyết pháp.
Trong khi đó có một vị Bồ-

Tát hiệu Minh-Thiên ở giữa pháp hội từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo bên phải, quỳ gối bên phải sát đất, cung kính chấp tay bạch Phật rằng:

Kính bạch Thế-Tôn! Con có một điều muốn thưa hỏi, mong Thế-Tôn từ bi chỉ dạy.

Phật bảo Bồ-Tát Minh-Thiên rằng:

Thiện-nam tử! Có điều chi ông cứ hỏi, chớ nghi ngại. Như-Lai sẽ tùy tiện mà giải đáp.

Bồ-Tát làm cách nào chỉ tu chút ít pháp lành mà được phước quả lớn và nếu làm nhiều việc công đức thì được

phước quả vô lượng?

Phật đáp: Hay thay! Hay thay!

Này Minh-Thiên, ông đã hỏi được câu hỏi thật là ý nghĩa! Quá khứ ông đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, gieo trồng rất nhiều công đức, gần gũi các bậc thiện tri thức, và đã vì chúng sanh ưa tu phước đức mà hỏi lên những điều sâu xa như thế. Vậy ông hãy lắng nghe, lắng nghe, và khéo suy nghĩ kỹ.

Bồ-Tát Minh-Thiên bạch Phật rằng: Kính bạch Thế-Tôn, con xin thọ giáo.

Phật bảo: Minh-Thiên! Đối

với chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai, các đại Bồ-Tát nên tu hạnh từ về thân, tu hạnh từ về miệng, tu hạnh từ về ý, chuyên tâm niệm các công đức mà chư Phật từng làm.

Lại nữa, này Minh-Thiên! Bồ-Tát cần nên đi đến chùa, tháp, tôn miếu, những nơi có thờ Phật, để lễ bái cúng dường, đi quanh bên phải, quì gối chấp tay, dâng hoa, đốt hương, treo tràng phan, bảo cái, thổi nhạc cung kính cúng dường công đức chư Phật. Tùy hỷ khuyến khích, ca ngợi các việc thiện.

Minh-Thiên, thế nào là Bồ-Tát đối với chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai tu hạnh từ về thân, tu hạnh từ về miệng, tu hạnh từ về ý và niệm công đức của chư Phật?

Thiện nam tử! Bồ-Tát nên nghĩ rằng: Như-Lai là bậc Vô-Thượng là bậc Tối-Tôn là bậc Tối-Thắng, là bậc Sư-Tử-Vương dũng mãnh không sợ sệt. Tự cứu độ mình, cứu độ mọi loài, tự mình diệt trừ khổ não, diệt trừ khổ não cho kẻ khác, thuyết pháp chơn đế, giáo hóa chúng sanh, giới đức thanh tịnh đầy đủ hoàn toàn, năng lực biện tài không hề sợ sệt.

Vĩnh viễn dứt trừ tập khí
chướng ngại. Tự tại vô ngại
trước mọi hoàn cảnh và mọi
sự vật không ai sánh bằng.
Chuyên tâm niệm công đức
của chư Phật như vậy, rồi quì
xuống đất dâng hoa hương,
tràng phan bảo cái, trở nhạc
cúng dường. Đó là Bồ-Tát tu
hạnh từ về thân.

Dùng âm thanh vi diệu ca
tụng những câu kinh kệ nghĩa
lý thậm thâm. Tán thán vô
lượng công đức của Như-Lai.
Đó là Bồ-Tát tu hạnh từ về
miệng. Với căn lành tu niệm
nơi thân khẩu nói trên mà
hết lòng chí thành cung kính.

Đó là Bồ-Tát tu hạnh từ về ý.

Minh-Thiên! Ấy là Bồ-Tát đối với chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai, chánh niệm tu tập hạnh từ về thân, miệng, ý.

Phật lại bảo Bồ-Tát Minh-Thiên rằng:

Lại nữa, Bồ-Tát đối với chúng-sanh quá khứ, hiện tại, vị lai cũng nên tu hạnh từ về thân, tu hạnh từ về miệng, tu hạnh từ về ý, quan niệm bình đẳng đối với chúng sanh.

Minh-Thiên! Thế nào là Bồ-Tát đối với chúng sanh trong ba thì gian nên tu hạnh

từ về thân, miệng, ý và quan niệm bình đẳng.

Như vậy, Minh-Thiên! Bồ-Tát không sát hại chúng sanh, không trộm cắp của kẻ khác, không tà dâm, không nói dối, không nói thêu dệt, không nói hai lưỡi, không nói hung dữ, không tham lam, không giận hờn, không si mê tà kiến.

Thế nào là Bồ-Tát không sát hại chúng sanh?

Đối với tất cả chúng sanh, từ bi thương xót và sanh lòng hổ thẹn, đau đớn trước hành động giết hại, vứt bỏ cả dao gậy, những khí cụ đánh đập, đâm chém, bắn giết.

Không trộm cắp nghĩa là thấy của rơi giữa phố chợ, xóm làng, ngoài đường, bất hoặc ở nơi nào không người, nếu không phải vật của mình thì không bao giờ lượm. Vật gì của ai, không cho thì không lấy.

Không tà dâm (là nói với Bồ-Tát tại gia, nếu Bồ-Tát xuất gia là đoạn dâm) nghĩa là nam, nữ đã có chồng vợ thì không được ngoại tình, cả với những người còn lệ thuộc gia đình nếu chưa có lễ nghi hợp thức thì không được xâm phạm, cho chí nếu người khác phái cầm đưa vật gì thì cũng không

nên móng dục tình.

Không nói dối nghĩa là luôn luôn nói ngay thực không khi nào chuyện có nói không, chuyện không nói có, khi đối với hương lân làng xã hoặc đứng trước quan chức, pháp tòa đối chứng việc gì. Nên chơn thành khai nói đúng với sự thật, dù phải chịu chết cũng đành, chứ không nói dối.

Không nói thêu dệt nghĩa là nói đúng lúc, nói chơn thật, biết rõ nghĩa lý mới nói, vì lợi ích kẻ khác mà nói, lòng nghĩ sao miệng nói vậy, không nói sai khác, không nói thêm bớt.

Không nói hai lưỡi nghĩa là đối giữa người này, người kia, bên này, bên nọ nên luôn luôn mong hòa hợp lẫn nhau, không đem chuyện người này xuyên tạc người nọ, không gây sự nghi ngờ xích mích giữa hai bên.

Không nói hung dữ nghĩa là luôn luôn lấy lời ôn hòa nhỏ nhẹ tỏ bày, dắt dẫn cho người, niềm nở chào hỏi, hoàn toàn không bao giờ dùng những lời đả đàng cay, độc ác chửi rủa tác hại chúng sanh.

Không tham lam nghĩa là đối với tài lợi của kẻ khác không móng ý tham muốn,

thấy người đến xin tâm không
lẫn tiếc.

Không giận hờn nghĩa là
đôi với tất cả chúng sanh, dứt
trừ những điều sân hận bực
tức, nên khởi tâm niệm từ bi
thương xót, tâm niệm đem lại
sự lợi ích, tâm niệm đem lại
sự an vui cho chúng sanh,
khéo léo tùy thuận nhiếp hóa
tất cả.

Không tà kiến nghĩa là
phải biết nhận thức đúng:
Cuộc sống cần có sự bố thí,
có sự cứu tế, có sự giáo dục
hướng dẫn, có đạo cha mẹ,
có đời này đời sau, có khổ
có vui, có mọi hành động và

quả báo của thế gian, có các bậc A-La-Hán tu đạo xuất thế tự thân chúng quả, đã dứt sanh tử, đã thành tựu tịnh hạnh, đã hoàn tất mọi việc làm, tự biết không còn thọ thân đời sau nữa.

Minh Thiên nên biết rằng: không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm là Bồ Tát tu hạnh từ về thân. Không nói dối, không nói thêu dệt, không nói hai lưỡi, không nói hung dữ là Bồ Tát tu hạnh từ về miệng. Không tham lam, không giận hờn, không si mê tà kiến là Bồ Tát tu hạnh từ về ý. Thế là Bồ Tát quan niệm bình

đẳng đối với tất cả chúng sanh.

Minh Thiên! Bồ Tát tu hạnh từ về thân, tu hạnh từ về miệng, tu hạnh từ về ý đối với chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai, cũng như tu hạnh từ về thân, tu hạnh từ về miệng, tu hạnh từ về ý đối với tất cả chúng sanh quá khứ, hiện tại và vị lai được những phước báo công đức gì đều đem công đức đó hồi hướng cho tất cả chúng sanh đồng thành Chánh Đẳng Chánh Giác.

Minh Thiên! Khi Bồ Tát thành tựu vô lượng công đức

như vậy thì hãy đem công đức ấy hồi hướng vô lượng trí tuệ. Lại cùng tất cả chúng sanh hồi hướng về quả vị Chánh Đẳng Chánh Giác.

Công đức này có ba thứ:

- Quá khứ không
- Hiện tại không
- Vị lai không
- Không có người hồi hướng,
- Không có pháp hồi hướng,
- Không có nơi hồi hướng.

Bồ Tát nên hồi hướng như vậy. Khi hồi hướng như vậy, ba chỗ đều thanh tịnh. Đem công đức thanh tịnh đó cho

tất cả chúng sanh đồng hồi
hướng về quả vị Vô Thượng
Chánh Đẳng Chánh Giác. Người
hồi hướng như vậy, không có
phàm phu và pháp phàm phu,
cũng không có tín hành, không
có pháp hành, không có bát
nhãn (1), không có Hướng Tu
Đà Hoàn, Quả Tu Đà Hoàn,
không có Hướng Tu Đà Hàm,
Quả Tu Đà Hàm, không có
Hướng A Na Hàm, Quả A Na
Hàm, không có Hướng Bích
Chi Phật, Quả Bích Chi Phật.
Cũng không có Hướng Phật và
Quả Phật.

Tại sao thế? — Vì pháp
tánh không vướng mắc, không

sanh, không trú, không diệt.

Thế nên Bồ Tát đem ba thứ công đức thanh tịnh của ba cách hồi hướng này cho tất cả chúng sanh, đồng hồi hướng về quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bồ Tát hồi hướng như vậy, lại nguyện rằng: “Nếu tôi sanh ra chỗ nào, đều thường gặp Phật, đạt được pháp chánh định thậm thâm, thấy được vô lượng Phật, thành tựu sự hiểu biết sâu rộng, trí tuệ thanh tịnh. Thề nguyện không bỏ chúng sanh”.

Khi Phật nói pháp này, có trăm ngàn vị Thiên Nhơn đều

nguyện vãng sanh về cõi Phật A-Súc.

Bấy giờ Phật bảo Tôn giả A-Nan: “Khi ta vừa nói pháp thậm thâm này, thì có trăm ngàn Thiên Nhơn đều nguyện vãng sanh về cõi nước Phật A-Súc. Rồi từ một cõi Phật này đến một cõi Phật khác cúng dường chư Phật, nghe pháp, được pháp tổng trì, ghi nhận tu hành đúng như Chánh pháp. Tất cả những vị ấy đều sẽ thành tựu trí tuệ không thể nghĩ bàn, và sẽ được làm Phật ở cõi Ngũ-Trược, đều đồng một danh hiệu, gọi là Cam Lộ Âm Vương Như Lai,

Ứng Cúng, Chánh Đẳng, Chánh Giác.

Khi thọ ký cho các vị Trời ấy, có trăm ngàn chúng sanh đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn! Theo nghĩa Phật nói thì con biết rằng như vậy là đạt được công đức rộng lớn, là công đức vô lượng, là công đức vô biên!”.

Phật bảo: “Kiều Thi Ca! pháp này hoàn toàn thanh tịnh”.

Kiều Thi Ca thưa: “Bạch Thế Tôn, kinh này tên gì, và

phải phụng trì như thế nào?”

Phật đáp: “Thích Đề Hoàn Nhơn Kiều Thi Ca! Kinh này tên là Đại Hội Hương, cũng gọi là Thập Thâm Pháp Tánh Hội Hương. Các ông nên đùng như vậy mà phụng trì.

Kiều Thi Ca, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn nào tu học theo pháp hội hương này thì nên biết rằng người ấy chắc chắn đạt được Vô-sanh Pháp nhẫn, có thể độ tất cả chúng sanh chưa được độ, đem lại cho vô lượng chúng sanh sự an lạc!”

Khi nghe Phật thuyết Pháp này, các Tỳ Kheo, Đế Thích,

Phạm Thiên, Trời, Người, A-
Tu-La v.v... đều vui vẻ phụng
hành.

Phần Chú Thích:

(1) Bát nhãn: Là trí nhãn được và chúng nhập lý tứ đế của cõi Dục và hai cõi trên – Sắc và Vô-sắc – Nhãn tứ đế của cõi Dục gọi là tứ Pháp-nhãn: Khổ Pháp-nhãn, Tập Pháp-nhãn, Diệt Pháp-nhãn, Đạo Pháp-nhãn. Nhãn tứ đế của cõi Sắc và Vô-sắc gọi là: Khổ Loại-nhãn, Tập Loại-nhãn, Diệt Loại-nhãn Đạo Loại-nhãn – Loại là tợ loại, vì ở hai cõi trên sự nhãn không hoàn toàn giống như cõi Dục, bởi lẽ các cõi trên tương đối ít khổ hơn. Nhờ bát nhãn mà đoạn được kiến hoặc ba cõi. Đoạn được kiến hoặc rồi, quán chiếu một cách rõ ràng thì gọi là bát trí. Bát nhãn là Vô-gián đạo, bát trí là Giải-thoát đạo. Nhãn là nhọn của Trí, Trí là quả của Nhãn. Hợp cả bát trí và bát nhãn gọi là mười sáu tâm kiến đạo.

Phu Chú:

(*) Cáp-Cô-Độc tên thật là Tu-Đạt-Đa, cũng gọi là Trưởng-giả Tu-Đạt. Ông thường giúp đỡ trẻ mồ côi và người già cả không có gia đình con cái. Do đó người đời bấy giờ thường gọi là Cáp-Cô-Độc. Kỳ-Đà, còn gọi là Thệ-Đa, (vì phiên âm tùy mỗi nơi nên có hơi khác) có nghĩa là Chiến-Thắng, tức Thái-tử con vua Ba-Tư-Nặc. Vì khi sanh Thái-tử, nhằm lúc nhà vua giao chiến với ngoại quốc được thắng trận, nên lấy đó đặt tên cho Thái-tử.

Trưởng-giả Tu-Đạt lúc đầu chưa biết Phật pháp, npon có việc đến thành Vương-Xá, gặp Phật ông sanh lòng tín kính, mới đánh lễ thỉnh Phật về ở nước Xá-Vệ để thuyết pháp. Phật nhận lời và phái ngài Xá-Lợi-Phất đến trước để tìm chỗ thích nghi cho Tăng chúng đến ở. Trưởng giả Tu-Đạt và ngài Xá-Lợi-Phất đi tìm khắp nơi trong thành Xá-Vệ, chỉ có vườn cây của Thái-tử Kỳ-Đà là nơi thích hợp nhất. Trưởng giả đến hỏi Thái-tử để mua khu vườn ấy mà lập Tịnh-xá. Thái-tử không có ý định bán vườn, nhưng trước sự khẩn khoản của Trưởng giả, Thái-tử vui miệng nói: “Trưởng giả cứ đem vàng trải đủ thì tôi sẽ nhượng khu vườn đó cho”. Sẵn có nhiều vàng, lại nhiệt tâm vì đạo, Trưởng-giả không ngần ngại cho người mở kho chở vàng đến, lần lượt trải vàng lên các khoảng đất trống. Đến khi còn lại một phần đất và những chỗ có cây chưa trải được thì Trưởng-giả đứng ngẫm nghĩ. Lúc đó Thái-tử mới nói với Trưởng-giả rằng: “Hay là Trưởng-giả nghĩ đắt giá? Thôi thì Trưởng giả cứ đem vàng về và vườn tôi để lại cho tôi chứ không sao”. Thái-tử ngạc nhiên khi nghe Trưởng-giả đáp: “Thưa, tôi đang tính các khoảng còn lại phải dùng hết bao nhiêu vàng nữa, và những chỗ có cây thì phải làm sao? Chứ tôi không nghĩ đến việc giá cả”. Thái độ cương quyết và thành thật của Trưởng giả đã làm cho Thái-tử cảm động, phát tâm cúng cả cây cối và phần đất còn lại. Đoạn cả hai người đồng chung kiến lập tịnh-xá thỉnh Phật và Chúng Tăng đến ở để thuyết pháp. Nên sau này những hội thuyết pháp tại đó đều có ghi tên hai vị đại thí chủ ấy trong kinh.

Ma-Ha Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa Tâm Kinh

Khi Bồ-Tát Quán-Tự-Tại đi sâu vào Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa, soi thấy năm uẩn đều không, vượt tất cả khổ ách.

Xá-Lợi-Tử! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng đều như vậy.

Xá-Lợi-Tử! Thật các pháp không tướng, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhóm, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt. Vậy nên trong không, không sắc, không thọ, tưởng, hành, thức. Không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Không sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Không có giới hạn của mắt. Cho đến không có giới hạn của ý-thức. Không có vô-minh cũng không có hết vô-minh. Cho đến không có già chết, cũng không có hết già chết. Không có khổ, tập,

diệt, đạo, không có trí cũng không có đắc. Vì không có sở đắc vậy.

Bồ-Tát nương nơi Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa cho nên tâm không chướng ngại. Vì tâm không chướng ngại, nên không sợ sệt, xa lià điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-Bàn.

Ba đời Chư Phật nương nơi Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa cho nên được Vô-Thượng Chánh-Đẳng Chánh-Giác.

Vì vậy cho nên biết rằng Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa là Đại Thần Chú, là Đại Minh Chú, là Vô Thượng Chú, là Vô Đẳng Đẳng Chú, hay trừ tất cả khổ ách, chơn thật chẳng hư. Cho nên lập tức nói chú Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa:

Yết-Đế, Yết-Đế,
Ba-La Yết-Đế,
Ba-La Tăng Yết-Đế,
Bồ-Đề Ta Bà Ha. (3 lần)

VĂNG-SANH
QUYẾT-ĐỊNH CHƠN-NGÔN

Nam-mô a di đà bà dạ,
Đá tha dà đa dạ,
Đa địa dạ tha,
A di rị đô bà tỳ,
A di rị đa tất đam bà tỳ,
A di rị đa tì ca lan đế,
A di rị đa, tì ca lan đa
Dà di nị dà dà na,
Chỉ đa ca lệ ta bà ha. (3 lần)

Phật A-Di-Đà thân sắc vàng,
Tướng tốt chói sáng tự trang-nghiêm,
Năm Tu-Di uyển chuyển bạch hào
Bốn biển lớn trong ngàn mắt biếc.
Trong hào-quang hóa vô số Phật,
Vô số Bồ-Tát hiện ở trong,
Bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh,
Chín Phẩm Sen Vàng lên giải-thoát.

Quy mạng lễ A-Di-Đà Phật,
Ở Phương Tây thế-giới an-lành,
Con nay xin phát nguyện vãng sanh,
Cúi xin Đức từ-bi tiếp-độ.

Nam-mô Tây-phương Cực-lạc
Thế-giới đại-từ đại-bi A-Di-Đà Phật.

Nam-mô A-Di-Đà Phật. (Niệm 108 biến)

Nam-mô Đại-bi Quán-Thế-Âm Bồ-Tát. (3 lần)

Nam-mô Đại-Thế-Chí Bồ-Tát. (3 lần)

Nam-mô Địa-Tạng Vương Bồ-Tát. (3 lần)

Nam-mô Thanh-tịnh Đại-Hải chúng Bồ-Tát.
(3 lần)

KỆ KẾT KINH

Trời, A-Tu-La, Dược-Xoa thầy,
Ai đến nghe Pháp nên hết lòng,
Ủng hộ Phật Pháp được thường còn.
Mỗi vị siêng tu lời Phật dạy.
Bao nhiêu người nghe đến chốn này,
Hoặc trên đất liền hoặc hư không,
Thường sanh lòng từ với loài người,

Ngày đêm tự nương theo Phật Pháp.
Nguyện các thế-giới thường an-ổn,
Phước trí vô-biên lợi quần sanh,
Bao nhiêu tội nghiệp thầy tiêu trừ,
Xa lìa các khổ về viên tịch.
Hằng dùng giới hương thoa vóc sáng,
Thường mặc áo định để che thân.
Hoa đẹp Bồ-Đề, trang nghiêm khắp,
Tùy theo chỗ ở thường an-lạc.

Nam-Mô Hộ-Pháp Vi-Đà Tôn Thiên Bồ-Tát.
(3 lần)

HỒI HƯỚNG

Nguyện tiêu ba chương trừ phiền não,
Nguyện đặng trí-tuệ chơn sáng tỏ,
Nguyện các tội chương đều tiêu-trừ,
Đời đời thường tu Bồ-tát đạo.
Nguyện sanh cõi tịnh ở Tây-Phương,
Chín phẩm hoa sen là cha mẹ.
Hoa nở thấy Phật chứng vô sanh,
Bồ-tát bất-thối làm bạn lành.
Nguyện đem công đức lành,
Hương về khắp tất cả,
Đệ tử và chúng sanh,
Đều trọn thành Phật Đạo.

Tự Quy-y Phật, xin nguyện chúng sanh,
Thế theo Đạo cả, phát tâm cao-thượng. (1 lay)

Tự Quy-y Pháp, xin nguyện chúng sanh,
Thấu hiểu kinh tạng, trí-tuệ sâu thẳm. (1 lay)

Tự Quy-y Tăng, xin nguyện chúng sanh,
Quản lý đại chúng, hết thảy không ngại. (1 lay)

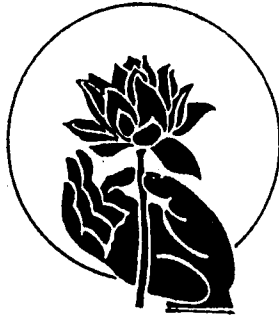
PHƯƠNG DANH PHẬT TỬ ẤN TỔNG

Vô Danh
Hong Nhi
Nhật Tuyết
Phương Mai
Diệu Âm Võ Ngọc Thanh
Tuyết Hồng
Davis Tran pd Tâm Chánh
Tôn Nữ Tuyết Lành pd Nguyên Lành
Diệu Hoa
Hiếu Bảo
Hiếu Nghĩa
Diệu Âm
Hong Loan
Minh Viên
Minh Tâm
Bé Phụng
Tỉ Hồn
Phấn, Quang, Vinh
Huệ Châu
Liên Ngọc
Huệ Quan
Hạnh Ngộ
Huệ Ngọc
Gia đình Tắc Kiệm
Thanh Võ
Cường điện lạnh
Đông Lợi
Viên Tánh
Mai, Mỹ, Hên, Tuyết
Hà, Lan
Bích Ngọc Cao

Nguyễn Thị Thà
Nguyễn Thị Thanh Xuân
Nguyễn Thị Thanh Thủy
Cathy Wee
Lyly Lu

*Nguyện đem công đức này
Hương về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo.*

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.



In tại: Kim Ấn Quán
1054 W. Gardena Blvd. #B
Gardena, CA 90247
Điện thoại: (310) 366-6867